

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

Đỗ Thị Thu Hương<sup>1\*</sup>, Chu Thị Diễm Hương<sup>2</sup>, Nguyễn Hoàng Kiên<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Khoa Chính trị và Tâm lý Giáo dục, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

<sup>2</sup>Phòng Đào tạo, Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang, Tuyên Quang

<sup>3</sup>Trường Trung học Phổ thông số 2 Lào Cai, Lào Cai

Ngày nhận bài: 18/7/2020; Ngày chỉnh sửa: 10/10/2020; Ngày duyệt đăng: 21/12/2020

## Tóm tắt

Trong những năm qua, vấn đề thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta chưa đạt được kết quả cao và bền vững là do chính quyền, nhân dân ở các tỉnh chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vai trò của giáo dục đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Chính vì vậy, cần phải nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân về thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số (DTTS) đối với sự nghiệp phát triển và thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc hiện nay. Bài viết góp phần làm rõ các giải pháp cụ thể để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc (thông qua việc khảo sát tại tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang và Lào Cai).

**Từ khóa:** Công bằng xã hội, vùng dân tộc thiểu số, giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

## 1. Đặt vấn đề

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các vùng DTTS là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước ta. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục ở các vùng DTTS nhằm tạo ra nhiều cơ hội cho đồng bào các dân tộc tiếp cận với giáo dục để học tập và nâng cao trình độ. Các tỉnh miền núi phía Bắc là vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội phát triển thấp hơn so với trung bình của cả nước, điều kiện và cơ hội học tập của đồng bào các DTTS còn nhiều hạn chế, bất cập trong tiếp cận, tham gia vào quá trình giáo dục. Do đó, trong những năm tới, để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục vùng DTTS ở các tỉnh

miền núi phía Bắc, Đảng và Nhà nước ta phải làm tốt các giải pháp chủ yếu sau: Nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương và đồng bào các DTTS hiểu được vị trí, vai trò của giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục; phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo bền vững; có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục; phát huy nội lực của đồng bào DTTS để đồng bào chủ động, tích cực tham gia vào sự nghiệp phát triển giáo dục... Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát thực trạng thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng DTTS ở một số tỉnh miền núi phía Bắc (Phú Thọ, Tuyên Quang và Lào Cai), bài viết tập trung làm rõ giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ

thông vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Tổng hợp các văn bản, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục vùng dân tộc thiểu số. Từ đó, phân tích và tổng hợp nguồn tài liệu, văn bản liên quan để xây dựng cơ sở lý luận về thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

### 2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

#### 2.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Sử dụng các bảng hỏi dành cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân dân địa phương để tìm hiểu thực trạng thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số một số tỉnh miền núi phía Bắc như Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ.

#### 2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

Phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên về việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số và thực trạng tổ chức thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở địa bàn các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai.

#### 2.2.3. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

Trung cầu ý kiến cán bộ quản lý một số trường phổ thông, cán bộ quản lý Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai để đánh giá tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Khái niệm giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số

Dân tộc thiểu số (có lúc gọi là dân tộc ít người) là khái niệm được đưa ra trong mối tương quan với dân tộc đa số (ở Việt Nam là người Kinh). Tiêu chí quan trọng nhất để phân

loại thành dân tộc thiểu số hay đa số là lượng người thuộc dân tộc đó so với các dân tộc khác hoặc so với tổng số dân. Có quốc gia không có dân tộc thiểu số, nhưng cũng có những quốc gia có rất nhiều dân tộc thiểu số. Tại Điều 5, Nghị định 05/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/01/2011, quy định về công tác dân tộc, thì “Dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và “Dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia” [1].

“Vùng dân tộc thiểu số là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [1]. Như vậy, khái niệm vùng dân tộc thiểu số gắn liền với khái niệm dân tộc thiểu số, nhưng nó đề chỉ vùng, khu vực, địa bàn, tức là địa hình đất đai, khoảng không gian trong đó có các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc trưng. Cơ sở để xác định “vùng” là đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội [2]. Vùng dân tộc thiểu số nên được tiếp cận theo quy định tại Khoản b, Điều 2, Nghị định số: 53/NĐ-CP về Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc UBND các cấp: “Vùng dân tộc thiểu số theo nghĩa hẹp được xem xét trên cơ sở đơn vị hành chính cấp huyện có số dân tộc thiểu số từ 5.000 người trở lên, sinh sống thành cộng đồng ổn định” [3]. Như vậy, vùng dân tộc thiểu số là một khái niệm đề chỉ địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Chính vì thế, lượng đồng bào dân tộc thiểu số trên một địa bàn là tiêu chí chính để phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những vùng mà cộng đồng người dân tộc thiểu số sống ít, xen kẽ thì được gọi là “vùng có dân tộc thiểu số” hoặc “vùng xen kẽ dân tộc thiểu số”. Điều này khiến cho “vùng dân tộc thiểu số” trở thành một khái niệm có tính tương đối, là khu vực đặc thù, có sự khác biệt ở yếu tố dân tộc, yếu tố tự nhiên và kinh tế, xã hội nhất định so với các vùng khác trong cả nước [2]. Phạm vi của vùng dân tộc thiểu số (DTTS) có thể được nhìn nhận ở nhiều cấp, có thể ở quy mô cấp huyện (trong huyện có các vùng dân tộc thiểu số), cấp tỉnh

và cấp liên tỉnh (khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ,...). Do đó, vùng DTTS miền núi phía Bắc được tiếp cận trong phạm vi nghiên cứu trên quy mô của cả vùng, gồm 14 tỉnh, với đặc điểm kinh tế, xã hội của người DTTS là nổi bật và chủ yếu. Hoạt động giáo dục phổ thông vùng DTTS miền núi phía Bắc được tiếp cận trên phạm vi toàn vùng, tập trung vào những đặc thù trong giáo dục vùng DTTS như hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, lớp ghép, chương trình dạy song ngữ, các chính sách cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh cấp học phổ thông vùng DTTS.

Khác với giáo dục phổ thông nói chung trong cả nước, giáo dục phổ thông ở vùng DTTS có các nội dung, hoạt động xoay quanh đối tượng đặc biệt là học sinh vùng DTTS (hầu hết là học sinh người DTTS) có hệ thống các trường chuyên biệt (trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, các lớp ghép, có việc thực hiện các chính sách đối với học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý vùng DTTS, có việc dạy học bằng tiếng dân tộc và dạy Tiếng Việt cho học sinh DTTS,... vùng có rất nhiều nội dung, hoạt động đặc thù như chương trình dạy học, sách giáo khoa riêng, hệ thống chính sách cho giáo viên và học sinh riêng dành cho thầy và trò vùng DTTS...).

### **3.2. Quan niệm về công bằng xã hội và vấn đề thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông ở vùng DTTS**

Công bằng xã hội là một khái niệm mang tính lịch sử, bị quy định bởi điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Trong mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, con người có quan niệm và đánh giá khác nhau về công bằng xã hội, phù hợp với lợi ích và địa vị của từng giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội đó. Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công bằng xã hội, có thể khẳng định rằng công bằng xã hội là một giá trị xã hội, phản ánh tính hợp lý những nhu cầu cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần trong quan hệ phân phối sản phẩm xã

hội và khả năng tiếp cận các cơ hội phát triển giữa các cá nhân, nhóm xã hội dựa trên sự công hiến và hưởng thụ, khả năng thực tế của những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.

Công bằng xã hội trong giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng DTTS là một nội dung quan trọng trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta cần đạt tới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, để nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng ta về xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục – đào tạo, chính là tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc có cơ hội tiếp cận các hình thức giáo dục phù hợp để học tập và nâng cao trình độ. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, công bằng xã hội trong giáo dục quan trọng nhất đối với đồng bào là tạo điều kiện về vật chất và tinh thần cho họ được xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, từng bước tiến tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, để họ có cơ hội tiếp cận các kiến thức khoa học và công nghệ hiện đại, nâng cao trình độ dân trí và trình độ văn hóa nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc mình.

### **3.3. Những thành tựu đã đạt được của việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc**

Một là, cơ hội học tập và nâng cao trình độ cho đồng bào vùng DTTS miền núi phía Bắc được tạo ra nhiều hơn. Theo kết quả điều tra của nhóm tác giả có 92,63% tổng số phiếu trả lời cho rằng so với trước đây, điều kiện học tập và cơ hội tiếp cận các hình thức giáo dục cho đồng bào các DTTS ở địa phương tốt hơn, có 5,87% cho là không có sự phát triển, 0% cho là khó khăn hơn, 1,48% trả lời là không biết. Số liệu này cụ thể ở: tỉnh Phú Thọ là 92,8%; 7,2%; 0%; 0%; tỉnh Tuyên Quang là 95,54%; 0,41%; 0%; 4,04%; tỉnh Lào Cai là 87,99%; 11,5%; 0%; 0,45%.

Hai là, Đảng và Nhà nước đã quan tâm tạo điều kiện để đồng bào các DTTS tiếp cận được cơ hội và tham gia vào quá trình giáo

dục tại các cơ sở giáo dục. Cụ thể thông qua bảng số liệu đã được khảo sát:

**Bảng 1. Tổng hợp điều tra về đồng bào DTTS được tạo điều kiện trong việc tiếp cận các cơ hội nâng cao tri thức và tay nghề ở địa phương**

Khu vực	Đồng bào DTTS được tạo điều kiện trong việc tiếp cận các cơ hội nâng cao tri thức và tay nghề ở địa phương				Tổng số phiếu
	Rất thuận lợi	Thuận lợi	Bình thường	Không thuận lợi	
Phú Thọ	9,43%	54,73%	35,83%	0,00%	70 phiếu (100%)
Tuyên Quang	24,60%	52,06%	23,33%	0,00%	80 phiếu (100%)
Lào Cai	30,80%	57,94%	11,25%	0,00%	80 phiếu (100%)

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả [4-8].

Ba là, Nhà nước đã từng bước thể chế hóa và thực hiện quyền bình đẳng trong tiếp cận và tham gia vào quá trình giáo dục đối với đồng bào DTTS. Cụ thể: “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; ưu tiên đầu tư cho phổ cập giáo dục, phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp” [9].

Bốn là, Đảng và Nhà nước đã ban hành một hệ thống chính sách ưu tiên trong giáo dục đối với các vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc. Cụ thể: “Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho người học là người dân tộc thiểu số, người học thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” [9]. Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; hỗ trợ tiền ăn,

tiền nhà ở, hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú, học sinh phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh khuyết tật; thực hiện chính sách quản lý học sinh ở bán trú theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND.

### 3.4. Những hạn chế, yếu kém của việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc

Thứ nhất, việc tạo cơ hội học tập và nâng cao trình độ cho đồng bào DTTS ở các vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc còn nhiều bất cập, hạn chế. Quy mô giáo dục, hệ thống giáo dục vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu học tập của đồng bào DTTS, tình trạng lớp ghép, nhà tạm, điểm trường nhỏ lẻ vẫn còn...

**Bảng 2. Tổng hợp kết quả khảo sát đánh giá về cơ sở trường, lớp phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc**

Khu vực	Đánh giá về cơ sở trường lớp phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc				Tổng số phiếu
	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Thiếu thốn	Rất thiếu thốn	
Tỉnh Phú Thọ	0,0%	17,09%	35,53%	47,37%	80 phiếu (100%)
Tỉnh Tuyên Quang	0,0%	1,97%	46,59%	51,43%	80 phiếu (100%)
Tỉnh Lào Cai	0,0%	0,1%	4,13%	95,76%	80 phiếu (100%)

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả.

Thứ hai, cơ hội học tập và nâng cao trình độ chưa thật sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu và nguyện vọng của đồng bào vùng DTTS trong giai đoạn hiện nay. Điều kiện học tập chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục, cơ hội học tập và nâng cao trình độ cho con em đồng bào các DTTS còn khó khăn, xuất hiện tình trạng tái mù chữ và tái phổ cập giáo dục tiểu học ở nhiều địa phương. Nguồn kinh phí Nhà nước đầu tư cho giáo dục vùng DTTS chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ hiện nay, kinh phí đầu tư trên đầu người còn thấp so với yêu cầu thực tế. Trình độ của đội ngũ giáo viên còn thấp, có nhiều giáo viên chưa đạt chuẩn, trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế. Số lượng học sinh là người DTTS ở một số tỉnh cao nhưng số lượng giáo viên là người DTTS chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với yêu cầu phát triển giáo dục ở vùng đồng bào DTTS sinh sống. Kết quả phiếu điều tra của nhóm tác giả về tình hình giáo dục ở các tỉnh vùng DTTS đã cho thấy: Có 11,92% tổng số phiếu trả lời là điều kiện học tập của con em đồng bào các DTTS rất khó khăn; 19,31% cho là khó khăn, 0,60% là rất thuận lợi. Số liệu này biểu hiện cụ thể ở tỉnh Phú Thọ là 15,22%, 15,71%, 1,1%, 67,95%; tỉnh Tuyên Quang là 4,41%, 17,04%, 0,74%, 77,79%, tỉnh Lào Cai là 15,83%, 24,93%, 0%, 59,23%.

Thứ ba, vấn đề tạo điều kiện để đồng bào DTTS tiếp cận và tham gia vào quá trình giáo dục tại các vùng DTTS ở miền núi phía Bắc còn gặp rất nhiều bất cập. Hiện tại, cuộc sống của đồng bào DTTS còn rất khó khăn: Tỷ lệ đói nghèo cao, một số DTTS còn sống du canh, du cư, đốt rừng làm nương rẫy, nhiều đồng bào DTTS không có đủ ăn, đủ mặc... làm cho con em đồng bào các vùng này không có điều kiện, cơ hội để tiếp cận và tham gia vào quá trình giáo dục dẫn đến tình trạng tái mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học không đạt như kết quả mong muốn.

Thứ tư, đồng bào các DTTS chưa thật sự bình đẳng trong tiếp cận và tham gia vào quá trình giáo dục, trong đối xử tại các cơ sở giáo dục ở địa phương. Có sự chênh lệch lớn về điều kiện cơ sở trường lớp, trang thiết bị dạy và học,

đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo dục... giữa các vùng DTTS, giữa DTTS với dân tộc đa số. Kinh phí bình quân trên đầu người dân còn thấp so với yêu cầu thực tế chi phí để phát triển giáo dục, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa.

Thứ năm, những hiện tượng tiêu cực xuất hiện trong giáo dục đã dẫn đến sự thiếu công bằng xã hội giữa các dân tộc ở các vùng DTTS nước ta. Hiện tượng tham nhũng trong tuyển dụng, đề bạt và luân chuyển giáo viên; rút ruột các công trình xây dựng (như kiên cố hóa trường lớp), bớt xén khi mua thiết bị dạy học và kinh phí dự án giáo dục. Hiện tượng tiêu cực, bất công còn xuất hiện trong quá trình thực hiện chính sách đào tạo cử tuyển ở vùng DTTS; một số cán bộ giáo viên đã lợi dụng chức quyền để đưa con cháu đi học tập tại các cơ sở giáo dục theo chế độ chính sách đối với con em đồng bào DTTS và con em đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn...

### ***3.5. Một số giải pháp chủ yếu góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc hiện nay***

- Một là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền từ Trung ương tới địa phương về vai trò của giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số góp phần phát triển đời sống cho đồng bào các dân tộc.

Đảng và Nhà nước phải thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Thực hiện chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và chính sách tiền lương cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Kết quả điều tra cho thấy rõ vai trò của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số ở khu miền núi phía Bắc: Có 78,56% phiếu điều tra cho rằng Đảng và Nhà nước có vai trò quyết định đến

sự phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, 21,34% số phiếu trả lời không biết.

Phát triển giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số học tập nâng cao trình độ dân trí, tri thức và được đào tạo nghề nghiệp để sản xuất của cải vật chất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của từng dân tộc nhằm cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Trên cơ sở đó, đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta có thể từng bước làm chủ về kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc mình, nhằm thực hiện quyền bình đẳng thực sự giữa các dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Để nâng cao nhận thức đúng đắn cho cán bộ, đảng viên trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước về vai trò của thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc, cần phải tổ chức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên học tập, nghiên cứu và đưa nội dung phát triển giáo dục vào sinh hoạt đảng, sinh hoạt chuyên môn của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Sau khóa học sẽ tổ chức cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước đi thực tế tại các vùng dân tộc thiểu số để nghiên cứu về vai trò, tác động của giáo dục, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện quyền bình đẳng cho các dân tộc.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vai trò của giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc, các cơ quan Đảng và Nhà nước phải đưa ra chính sách, kế hoạch và chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với từng vùng dân tộc để tạo cơ hội học tập đầy đủ, phù hợp cho đồng bào các dân tộc học tập tri thức, học nghề để từng bước tự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc mình, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở nước ta.

- Hai là, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ và giáo viên trong ngành giáo dục ở

các vùng dân tộc thiểu số về vai trò của thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đối với vấn đề phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Sự nghiệp phát triển giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số nước ta chỉ có thể thực hiện khi đội ngũ cán bộ, giáo viên trong ngành giáo dục công tác ở những vùng này nhận thức được vai trò của giáo dục đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Kết quả điều tra tình hình giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số của nước ta về điều kiện để phát triển giáo dục và đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục ở địa phương đã cho thấy có 88,90% tổng số phiếu điều tra cho rằng cần phải xây dựng được đội ngũ đủ về số lượng và chất lượng...

Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ, giáo viên trong ngành giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số cần nhận thức rõ vai trò quyết định của mình đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thời kỳ đổi mới ở nước ta. Cán bộ, giáo viên cần phát huy truyền thống, đạo đức của ngành giáo dục và đức hy sinh để phát triển giáo dục, tạo ra nhiều sáng kiến, hình thức giáo dục phù hợp nhất với đồng bào các dân tộc để nâng cao trình độ dân trí, tạo ra nhiều cơ hội, điều kiện học tập cho đồng bào các dân tộc nhằm thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Đảng và Nhà nước ta phải tổ chức giáo dục, tuyên truyền và học tập ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trước khi lên làm công tác phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số. Để thực hiện tốt sự nghiệp phát triển giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số, Nhà nước cần có chính sách thu hút đủ giáo viên có trình độ, đạo đức và tâm huyết công hiến lên các vùng dân tộc thiểu số trên cơ sở chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng, nghỉ ngơi và phúc lợi xã hội thỏa đáng

cho đội ngũ cán bộ, giáo viên khi công tác ở các vùng này.

- Ba là, nâng cao nhận thức của cán bộ và đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc về vai trò của giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các địa phương.

Một nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự nghiệp phát triển giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nước ta chưa thực hiện có hiệu quả và nghiêm túc là do cán bộ, đồng bào các dân tộc thiểu số chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn về vai trò của giáo dục đối với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số nên chưa huy động được sự tham gia của đội ngũ cán bộ, đồng bào các dân tộc thiểu số đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục ở những vùng này. Do đó, trên cơ sở nhận thức được vị trí, vai trò của giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho các vùng dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số sẽ có ý thức tích cực, chủ động, tự giác và nỗ lực vươn lên để phát triển giáo dục, nâng cao trình độ dân trí và tri thức cho đồng bào của dân tộc mình trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vì vậy, đối với các vùng dân tộc thiểu số, việc mở rộng tuyên truyền phổ biến, quán triệt đầy đủ cho đồng bào các dân tộc hiểu đúng đắn, đầy đủ quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục, về quan hệ giữa giáo dục với phát triển kinh tế - xã hội, về vị trí, tầm quan trọng của việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số đối với việc thực hiện quyền bình đẳng dân tộc là vấn đề cấp bách, có vai trò quyết định đến thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục cho đồng bào dân tộc hiện nay. Tuyên truyền, vận động cho đồng bào dân tộc thiểu số hiểu được vị trí, vai trò của giáo dục đối với sự nghiệp phát triển và thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tránh tình trạng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số hiểu

chưa đúng về giáo dục khi cho rằng cái ăn quan trọng hơn cái chữ, cái chữ không có vai trò, ý nghĩa gì đối với đồng bào các dân tộc. Kết quả điều tra về điều kiện để phát triển giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số đã cho thấy có 92,67% tổng số phiếu điều tra cho rằng để phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc phải tuyên truyền cho đồng bào hiểu về vai trò của giáo dục.

Hiện nay, để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc, vấn đề quan trọng đặt ra là phải huy động mọi tiềm năng, phương tiện, phương pháp để làm tốt tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về giáo dục, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục... cho cán bộ và đồng bào dân tộc thiểu số đúng đắn, đầy đủ và thực hiện tốt ở từng địa phương.

Chính quyền ở các địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ và đồng bào các dân tộc thiểu số. Với những địa phương có nhiều dân tộc thiểu số cư trú, bên cạnh tiếng Kinh, cần mở rộng mạng lưới phát thanh, truyền hình bằng tiếng của các dân tộc thiểu số. Thông qua việc tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương... để đánh giá lại kết quả của việc phát triển và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở từng địa phương. Nội dung, phương pháp để triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số cần được đổi mới cho phù hợp với truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện kinh tế - xã hội của từng dân tộc. Coi trọng đúng mức những nội dung liên quan đến phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và những chính sách góp phần thực hiện quyền bình đẳng dân tộc.

#### 4. Kết luận

Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đồng bào DTTS khu vực miền núi phía Bắc về vị trí, vai trò của giáo dục chính là điều kiện quyết định đến quá trình phát triển, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở khu vực này.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về công tác phát triển giáo dục, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ở các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ngành giáo dục và chính quyền đoàn thể đã từng bước thay đổi nhận thức về vai trò của thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đối với sự nghiệp phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ta. Chính sự thay đổi nhận thức bước đầu của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, của ngành giáo dục và nhân dân các dân tộc ở vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc về thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục là cơ sở để thúc đẩy sự nghiệp phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa và thực hiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở cho đồng bào các dân tộc, từng bước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ở vùng DTTS khu vực miền núi phía Bắc nước ta trong thời gian tới.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ (2011). Nghị định số: 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.
- [2] Nguyễn Lâm Thành (2014). Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam, Luận án Tiến sĩ quản lý hành chính công. Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Chính phủ (2004). Nghị định số: 53/NĐ-CP ngày 18/02/2004 về Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc UBND các cấp.
- [4] Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai (2018). Báo cáo số 420/BC-SGD&ĐT ngày 20/8/2018 về việc Tổng kết năm học 2017 - 2018.
- [5] Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ (2020). Báo cáo số 16/BC-SGD&ĐT ngày 02/02/2020 về việc Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo giai đoạn 2015 - 2020; Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2020 - 2025.
- [6] Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai (2019). Báo cáo số 356/BC-SGD&ĐT ngày 20/8/2019 về việc Tổng kết năm học 2018 - 2019.
- [7] Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang (2018). Báo cáo số 221/BC-SGDĐT ngày 15/8/2018 về việc Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017 - 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018 - 2019.
- [8] Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang (2019). Báo cáo số 191/BC-SGDĐT ngày 27/8/2019 về việc Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2019 - 2020.
- [9] Quốc hội (2019). Luật số 43/2019/QH14 của Quốc hội: Luật Giáo dục.

## SOLUTIONS TO IMPROVE THE AWARENESS OF THE IMPORTANCE OF SOCIAL JUSTICE IN THE GENERAL EDUCATION IN ETHNIC MINORITY AREAS IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION OF VIETNAM

Do Thi Thu Huong<sup>1\*</sup>, Chu Thi Diem Huong<sup>2</sup>, Nguyen Hoang Kien<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Faculty of Political Education and Educational Psychology, Hung Vuong University, Phu Tho

<sup>2</sup>Department of Academic Affairs, Tuyen Quang Political School, Tuyen Quang

<sup>3</sup>Lao Cai 2 High School, Lao Cai

### Abstract

In recent years, the issue of social justice in general education for ethnic minority people in the Northern Mountainous provinces of our country has not achieved and sustainable results because the local authorities and people in the province have not fully and properly perceived the role of education for the cause of socio-economic development and the implementation of equality among ethnic groups. Therefore, it is necessary to raise the awareness of the Party committees, local authorities and the people about the implementation of social justice in ethnic minority education for ethnic minority development and exercise the right of equality among ethnic groups today. The paper clarified specific solutions to improve the awareness about the importance of implementing social justice in general education for ethnic minority people in the Northern Uplands (such as Phu Tho, Tuyen Quang and Lao Cai provinces).

**Keywords:** Social justice, ethnic minority, general education for ethnic minority.